

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 4 năm 2009

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu  
tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 343/2008/QĐ-UBND ngày 29/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi tên Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi thành Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 119/SNN&PTNT ngày 04/02/2009, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 42/BC-STP ngày 16/3/2009 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 325/SNV ngày 24/3/2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh;

Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hoàng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND  
ngày 21/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

### **Chương I**

## **VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây gọi tắt là Chi cục*) là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hợp tác xã nông lâm ngư nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế hộ và kinh tế trang trại; ngành nghề và làng nghề nông thôn; quy hoạch, điều chỉnh và bố trí lại dân cư nông thôn, di dân tái định cư trong nông thôn thuộc các công trình thủy lợi và sạt lở sông, núi, thiên tai, xây dựng mô hình nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo trong nông nghiệp và nông thôn; tổng hợp chính sách phát triển nông thôn bao gồm: chính sách kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, quy hoạch và phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, chính sách di dân, sắp xếp dân cư nông thôn, di dân tái định cư thủy điện, thủy lợi, cơ khí hoá nông thôn, xây dựng nông thôn mới ... trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, cơ chế chính sách về lĩnh vực chuyên ngành: Kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế hộ, kinh tế trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp; Quy hoạch bố trí dân cư, di dân tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn, di dân tái định cư các công trình thủy điện, thủy lợi, sạt lở sông, núi, biên, thiên tai; xây dựng mô hình nông thôn mới xoá đói giảm nghèo trong nông

ngành và nông thôn; xoá bỏ, thay thế cây có chứa chất ma tuý, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, cơ khí hóa nông thôn.

2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành về phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế hộ, kinh tế trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp;

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án kế hoạch về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế hộ, kinh tế trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp;

c) Xây dựng và triển khai các mô hình, nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo tuyên truyền việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế hộ, kinh tế trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp;

d) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại trong nông, lâm, ngư nghiệp;

đ) Đề xuất cơ chế chính sách liên quan đến đất sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

5. Về phát triển nông thôn, ngành nghề, làng nghề nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về: Chương trình xây dựng nông thôn mới; chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 giai đoạn 2; dự án xoá bỏ cây có chất ma tuý; chủ trì thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc chương trình xoá đói giảm nghèo; dự án làng nghề; ngành nghề nông thôn; dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

b) Đầu mối xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, cơ chế chính sách về phát triển kinh tế nông thôn;

c) Đầu mối quản lý nhà nước về lĩnh vực sản xuất ngành nghề nông thôn và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết những nội dung liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

6. Về quy hoạch, bố trí dân cư:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; các dự án điều tra cơ bản và thiết kế quy hoạch về

bố trí dân cư: các dự án bố trí dân cư thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 và Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án di dân tái định cư các công trình thủy điện, thủy lợi, sạt lở sông, biển, nứt núi, thiên tai;

b) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch bố trí dân cư; công tác di dân tái định cư trong nông thôn theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ở khu tái định cư;

c) Thẩm tra, thẩm định các chương trình, dự án, phương án liên quan đến di dân, bố trí dân cư nông thôn, tái định cư;

d) Đề xuất việc thực hiện công tác tuyên truyền và đào tạo nguồn nhân lực bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh.

7) Về cơ điện nông thôn:

a) Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ nông dân mua máy, thiết bị cơ giới hoá nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn);

b) Đầu mối quản lý nhà nước về các cơ sở, dịch vụ cơ điện nông, lâm, thủy sản.

8. Phối hợp các tổ chức, cơ quan liên quan thực hiện các dự án quốc tế được giao thuộc chuyên ngành quản lý. Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các dự án được tỉnh giao thuộc chương trình của Chính phủ phân công cho ngành phát triển nông thôn (chương trình 135, xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, xoá đói, giảm nghèo trong nông nghiệp, nông thôn).

9. Tổ chức chỉ đạo hướng dẫn và quản lý việc thực hiện sử dụng và thanh quyết toán vốn đã được đầu tư thuộc chương trình mục tiêu, đề án, dự án, kế hoạch hàng năm được giao (chương trình sắp xếp dân cư: 193; chương trình phát triển nông thôn mới, kinh tế hợp tác, kinh tế hộ, ngành nghề nông thôn, làng nghề, hỗ trợ sản xuất chương trình 135; ngành nghề nông thôn thuộc chương trình xoá đói giảm nghèo).

10. Triển khai các đề tài, dự án, nghiên cứu và ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành được giao quản lý trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực phát triển nông thôn để phục vụ cho công tác quản lý được giao.

11. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về chuyên ngành hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực, xử lý các vi phạm thuộc phạm vi quản lý được giao theo thẩm quyền và quy định của pháp luật

12. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Chi cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

13. Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tài sản, tài chính của Chi cục theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

14. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

15. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

## **Chương II** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Lãnh đạo Chi cục**

1. Chi cục làm việc theo chế độ Thủ trưởng, có Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng.

2. Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan theo quy định của pháp luật.

3. Phó Chi cục trưởng là người giúp việc cho Chi cục trưởng, được Chi cục trưởng phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác của Chi cục; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng uỷ nhiệm điều hành các hoạt động của Chi cục.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

Chi cục có các phòng chuyên môn nghiệp vụ như sau:

1. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
2. Phòng Quản lý Dân cư nông thôn;
3. Phòng Kinh tế nông thôn;
4. Phòng Quản lý ngành nghề nông thôn.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chi cục trưởng quy định theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cấp trưởng, phó của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo đề nghị của Chi cục trưởng.

### **Điều 5. Biên chế của Chi cục**

1. Biên chế của Chi cục nằm trong tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao và phân bổ hàng năm.

2. Chi cục trưởng có trách nhiệm bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của Chi cục phù hợp với chức danh chuyên môn, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **Chương III**

#### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 6.** Chi cục chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Chi cục thực hiện mối quan hệ phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực được giao theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Chi cục trưởng xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Chi cục để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9.** Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức, thực hiện theo đúng Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hoàng Sơn**